

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 81/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Hà Thị Thu H**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: **Bản É, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu.**

- Bị đơn: Anh **Lò Văn B**, sinh năm 1988.

Nơi ĐKHKTT: **Bản Nà Phái, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu.** Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam **Công an tỉnh S.** Địa chỉ: **Hợp tác xã T, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La.**

Căn cứ vào Điều 147; Điều 212; Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 3; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Hà Thị Thu H** và anh **Lò Văn B.**

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị **Hà Thị Thu H** và anh **Lò Văn B** thuận tình ly hôn.

- **Việc nuôi con chung:** Chị **Hà Thị Thu H** và anh **Lò Văn B** có hai con chung chưa thành niên là **Lò Hà Kim N**, sinh ngày 16/11/2015 và **Lò Hà Mỹ G**, sinh ngày 19/7/2022. Ghi nhận sự thoả thuận của chị **Hà Thị Thu H** và anh **Lò Văn B** về việc nuôi con chung khi ly hôn như sau:

Giao cho chị **Hà Thị Thu H** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung chưa thành niên là **Lò Hà Kim N** và **Lò Hà M** cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) không bị mất năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **Hà Thị Thu H** không yêu cầu anh **Lò Văn B** cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét, giải quyết.

Anh **Lò Văn B** có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với chị **H**. Chị **H** có quyền yêu cầu anh **B** cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Anh **Lò Văn B** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con của người trực tiếp nuôi con.

- **Về chia tài sản:** Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung chị **Hà Thị Thu H** và anh **Lò Văn B**, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Chị **Hà Thị Thu H** và anh **Lò Văn B** mỗi người phải chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự chị **Hà Thị Thu H** tự nguyện nộp toàn bộ số tiền án phí mà anh **Lò Văn B** phải nộp. Tổng cộng chị **Hà Thị Thu H** phải nộp là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Xác nhận chị **Hà Thị Thu H** đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: 0000850 ngày 08/8/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu. Nay chuyển 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) thành án phí dân sự sơ thẩm, chị **Hà Thị Thu H** được trả lại số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Than Uyên;
- Chi cục THADS huyện Than Uyên;
- UBND xã Mường Than, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

đã ký

Quàng Thị Phương